

LUẬN TRUNG BÊN PHÂN BIỆT QUYỂN HẠ

Phẩm 4: ĐỐI TRỊ TU TRỤ

Tu tập đối trị nghĩa là tu tập ba mươi bảy phẩm đạo, nay sẽ nói. Luận này trước là nói (tâm là chủng thứ của chấp ngã, còn gọi là căn, trần, thức):

*Hạnh thô, nhân của tham.
Vì chủng nên không mê
Vì để nhập Tứ đế
Tu quán bốn niệm xứ.*

Do thân nên hạnh thô được hiển hiện, do hạnh thô của tư duy chọn lựa nên được vào Khổ đế. Thân này có hạnh thô lớn làm tướng. Thô lớn nên gọi là hành khổ. Hành khổ này là tất cả các pháp hữu lậu. Ở trong đó, bậc Thánh quán Khổ đế. Thọ là chỗ nương của tham ái. Vì tư duy chọn lựa các thọ nên được vào Tập đế. Tâm là chỗ nương của chấp ngã, vì suy tư chọn lựa tâm này nên được vào Diệt đế. Nhờ xa lìa ngã, dứt trừ sự sợ hãi. Pháp là hai phẩm Tịnh và Bất tịnh. Vì tư duy chọn lựa pháp này nên được xa lìa vô minh của phẩm Tịnh và Bất tịnh nên được vào Đạo đế. Cho nên lúc đầu hành là để nhập vào Tứ đế, an lập sự tu tập Bốn niệm xứ, kế là tu tập chánh căn.

*Đã biết chẳng giúp đạo
Tất cả thứ đối trị
Vì hai thứ trên mà
Tu tập bốn chánh căn.*

Vì tu tập rốt ráo bốn niệm xứ nên chẳng cần pháp đen trợ đạo và pháp trắng trợ đạo. Nhất thiết chủng đã sáng rõ, nên lìa diệt pháp phi trợ đạo, để sinh khởi pháp giúp đạo. bốn chánh căn được sinh khởi thì chánh căn thứ nhất đã diệt, sinh ra pháp chẳng phải thiện ác. Trong kinh có nói rộng (là diệt, là bế tắc, là sinh, là trưởng).

Tùy việc trú ở kia

*Thành tựu việc cần thiết
Lìa bỏ năm thứ lỗi
Tu tập tám tư lương.*

Vì xa lìa pháp đen và để đặc pháp trắng nên tu tập chánh cần. Tâm không bị chướng mà có trợ giúp nên được trụ tâm này. Trụ có bốn pháp là tùy giáo được thành tựu. Tùy giáo được thành tựu là nói bốn Như ý túc, nhờ nhân duyên thành tựu nghĩa tất cả điều mà ta mong cầu. Trong đó người trụ, tâm trụ gọi là Tam-ma-đề nên biết, cho nên sau Tứ chánh cần là nói Tứ như ý túc. Tùy sự tùy giáo trú, nghĩa là vì diệt năm lỗi, vì tu tập tám tư lương nên biết, những gì là lỗi?

*Biếng nhác, quên lời dạy
Và dấy khởi thấp kém
Không tác ý, tác ý
Năm lỗi này nên biết.*

“Biếng nhác” là chìm trong chỗ xấu ác lười biếng; “quên lời bậc tôn quý dạy” là như pháp do thầy lập: danh, cú, vị, v.v... không nhớ không giữ. Sinh khởi sự thấp kém là hai chướng hợp thành một. Vui, lo là thể nên chìm nổi là việc đó. Lúc chìm nổi trong vị thế này, không tác ý là lỗi thứ tư. Nếu không có hai thứ chìm nổi này mà tác ý, đó gọi là lỗi thứ năm. Vì dứt năm lỗi này, nên an lập tám thứ tư lương thiên định để dứt trừ biếng nhác. Bốn thứ tư lương: một là dục; hai là chánh cần; ba là tín; bốn là ý (khen). Lại có bốn pháp thứ lớp nên biết:

*Y xứ và năng y
Nhân duyên này và quả.*

Dục là nơi nương tựa của chánh cần, năng y là chánh cần. Nơi tựa này gọi là dục. Có nhân nào gọi là tín? Nếu có tín thì sinh dục. Năng y này gọi là quả chánh cần, quả này gọi là ý. Nếu thực hành chánh cần thì được thiên định mà mình cầu. Bốn thứ tư lương khác: Một là niệm; Hai là trí; Ba là làm xong; Bốn là xả diệt. Bốn lỗi còn lại thì theo thứ lớp mà đối trị. Bốn pháp như: Niệm, v.v... này thứ lớp nên biết:

*Duyên cảnh giới - không mê
Cao, thấp đều biết rõ
Diệt công dụng tâm kia
Phóng xả lúc vắng lặng.*

Niệm là cảnh giới không quên mất, trí là lúc cảnh giới không quên mất. Biết rõ hai việc chìm nổi, đã biết rõ là để diệt tác ý công dụng này, đó gọi là tác ý. Hai pháp chìm, nổi này đã vắng lặng rồi, thì khởi tâm buông xả. Buông xả đó nổi tiếp gọi là xả diệt. Sau bốn Như ý

túc, thứ lớp nói tu tập năm căn. Năm căn này vì sao được lập?

*Đã xuống giống giải thoát
Vì dục sự tăng thượng
Không mê chìm cảnh giới
Không tán loạn, tư trạch.*

Tăng thượng ở đây thứ lớp chảy qua năm chỗ để tu bốn căn, nên tâm đã tùy giáo được trụ. Vì tâm này đã gieo xuống hạt giống gốc lành của phần giải thoát: Một là dục tăng thượng; Hai là siêng tu tăng thượng; Ba là không quên mất cảnh giới tăng thượng; Bốn là không tán động tăng thượng; Năm là tư duy chọn lựa tăng thượng. Như thứ lớp năm căn như tín căn, v.v... nên biết:

*Vì nói lực tổn hoặc
Trước nhân sau là quả.*

Năm pháp như: tín, v.v... như trước đã nói. Vì có sức cao quý nên gọi là lực. Lực cao quý là gì? Là vì có khả năng tổn lìa phi giúp hoặc. Nếu năm pháp chẳng phải tín, v.v... thì các đối trị hoặc không chương ngại lẫn nhau, cho nên nói căn, lực có thứ lớp. Tại sao năm pháp: tín... phải nói có thứ lớp trước sau? Năm thứ pháp nói trước và sau là vì làm nhân quả cho nhau. Vì sao như vậy? Nếu người nào tin nhân tin quả vì cầu đắc quả này nên quyết siêng hành, vì đã siêng hành nên chấp giữ cảnh không lay động. Nếu niệm dừng trú thì tâm đắc Tam-muội (bình đẳng trụ là không cao không thấp: một là ba thọ, hai là một cảnh, lại cũng có năm thứ trụ nhưng chưa nói). Nếu tâm được định thì quán biết cảnh như thật, vì nghĩa này nên đặt thứ lớp năm pháp. Nếu người nào xuống giống gốc thiện phần giải thoát nói năm căn là giai vị. Nếu người nào đã gieo gốc thiện phần thông đạt thì trong giai vị năm căn sẽ ở phương vị:

*Hai hai phần thông đạt
Năm căn và năm lực.*

Noãn vị và Đảnh vị lập hiện hành năm căn, Nhãn vị và Thế đệ nhất pháp lập hiện hành năm lực. Nếu ai đã xuống giống gốc lành phần giải thoát thì hai cặp vị này chắc chắn là phần thông đạt. Nếu chưa và không như lực này thì thứ lớp nói về phần giác. Phần này làm sao an lập?

*Phân y, phân tự thể
Phân xuất ly thứ ba
Phân công đức thứ tư
Là ba phần diệt hoặc.*

Trong địa vị kiến đạo, hiển lập phần giác. Giác là gì? Là trí như như không phân biệt, gọi là giác. Phần nghĩa là gì? Là bạn pháp đồng sự, đó là phần nghĩa. Trong bảy pháp này, phần giác y chỉ gọi là niệm giác, phần tự tánh gọi là trạch pháp giác, phần xuất ly gọi là chánh cần giác, phần công đức gọi là hỷ giác, phần vô nhiễm vô chướng, ba pháp là y, định, xả, vì sao nói ba pháp này là phần vô nhiễm vô chướng?

Vì chỗ nhân duyên nương

Vì tự tánh nên nói.

Nhân vô chướng vô nhiễm là chướng y hoặc, vì trọng hành làm nhân nên y này đối trị với nhân thô trọng. Y chỉ là thiên định, tự tánh là không xả bỏ giác phần, kể là nói phần đạo, vì sao an lập pháp này?

Phần quyết và khiến đến

Khiến người tin ba thứ

Pháp đối trị không giúp

Nói đạo có tám phần.

Trong vị đạo tu tập, hiển lập phần đạo, phần kiến đạo và phần quyết là chánh kiến. Kiến này là chánh kiến thế gian, sau đó mới được chánh kiến xuất thế gian. Vì trí này là sở đắc đạo của mình và quả quyết định phân biệt. Phần khiến người khác đến là chánh tư duy và chánh ngôn. Vì có phát khởi ngữ ngôn nên có thể khiến người khác biết và đắc. Phần khiến người khác tin là có ba thứ: chánh ngôn, chánh nghiệp và chánh mạng, ba pháp này thứ lớp là:

Kiến, giới và tri túc

Phải biết khiến người tin.

Phần khiến người khác tin là ba xứ nương vào chánh ngôn mà nói. Nói năng lúc cùng hỏi đáp về chánh nghĩa và lúc cùng nhau tư duy chọn lựa về nghĩa thì người khác được tin. Người này có trí nên khiến người khác tin. Trí nương vào chánh nghiệp khiến người khác được tin. Trì giới không làm các việc không đúng pháp. Nương vào chánh mạng là làm cho người khác được tin tưởng, xem nhẹ tài vật, biết đủ là tu hành như pháp như lượng. Vì thấy bốn mạng duyên như: y phục... nên khiến người khác được tin biết đủ, xem nhẹ tài vật biết đủ. Phần đối trị phiền não là ba thứ chánh cần, chánh niệm và chánh định. Ba pháp này như thứ lớp:

Đại hoặc và tiểu hoặc

Đối trị chướng tự tại.

Phiền não phi trợ đạo có ba: Một là tu tập đạo dứt trừ phiền não, đó là đại hoặc. Hai là tâm chìm đắm, dấy khởi phiền não, đó là tiểu

hoặc. Ba là chướng tự tại nghĩa là có thể chướng ngại sự hiển bày công đức thắng phẩm. Phiền não thứ nhất, đối trị bằng chánh cần. Vì sao như vậy? Vì nhờ chánh cần mà tu đạo được thành tựu. Nếu đạo được thành thì tư duy phiền não diệt. Phiền não thứ hai, đối trị bằng chánh niệm. Ở cùng vắng lặng, hoặc chánh niệm và chánh vắng lặng ở cùng thì sự chìm đắm và dấy khởi diệt. Phiền não thứ ba, đối trị bằng chánh định, nhờ nương vào thiền định nên có công năng hiển xuất công đức của sáu thần thông. Tu tập đối trị này nếu nói lược thì có ba thứ, nên biết:

*Tùy không đảo, có đảo
Tùy điên đảo, không đảo
Không đảo, không tùy đảo
Tu đối trị ba thứ.*

Tu tập đối trị có ba thứ, ba loại ấy gồm: Một là tùy theo chỗ thích ứng, pháp không đảo và đảo xen lẫn nhau, hai là bị điên đảo đuổi theo cái thấy không kiến đảo, ba là pháp không điên đảo và vô đảo theo nhau. Như thứ lớp trong địa vị phàm phu, trong Thánh vị Hữu học, trong Thánh vị Vô học, Bồ-tát tu đối trị có khác, khác thế nào? Kệ rằng:

*Cảnh giới và tư duy
Chỉ đặc có sai khác.*

Các pháp là niệm xứ như thân niệm xứ, v.v... tự nối tiếp nhau của Thanh-văn và Bích-chi là cảnh giới ấy. Hoặc các pháp niệm xứ như thân niệm xứ, v.v... tự tha nối tiếp của Bồ-tát là cảnh giới ấy. Thanh-văn và Bích-chi do các tướng như: vô thường... nên tư duy các pháp như: thân...; hoặc các Bồ-tát vô sinh nhờ đắc đạo lý nên tư duy quán sát; hoặc Thanh-văn và Duyên giác tu tập các pháp: như bốn niệm xứ, v.v... là để diệt lìa các pháp như: thân...; hoặc Bồ-tát tu tập các pháp này không vì để diệt lìa nên tu tập các pháp, chẳng phải không vì diệt lìa nên tu tập các pháp, chỉ vì Niết-bàn chỉ đặc vô trú xứ nên đã nói tu tập đối trị. Tu trụ là gì?

Phẩm 5: TU TRỤ

Tu trụ có bốn thứ:

*Nhân, nhập, hạnh, chí đắc
Hữu tác, không tác ý
Hữu thượng cũng vô thượng
Nguyên lạc vị, nhập vị
Xuất vị, thọ ký vị
Thuyết giả vị, quán vị
Tác sự vị đã nói.*

Tu trụ có mười tám thứ: Một là Nhân vị tu trụ: là người đã trú trong tự tánh. Hai là Nhập vị tu trụ là đã phát tâm. Ba là Hạnh vị tu trụ là từ sau phát tâm, chưa đến quả. Bốn là Quả vị tu trụ là lúc đã đắc. Năm là Hữu công dụng vị tu trụ là bậc Thánh Hữu học. Sáu là Vô công dụng vị tu trụ là bậc Thánh Vô học. Bảy là Thắng đức vị tu trụ, là người cầu hạnh được sáu thần thông. Tám là Hữu thượng vị tu trụ, là người đã qua các địa vị như Thanh-văn, v.v.. chưa lên Sơ địa Bồ-tát. Chín là Vô thượng vị tu trụ là chư Phật Như Lai, sau địa vị này không có địa vị nào khác nữa. Mười là Nguyên lạc vị tu trụ là các Bồ-tát trong tất cả hạnh vị nguyên lạc. Mười một là Nhập vị tu trụ là Bồ-tát Sơ địa. Mười hai là Xuất ly vị tu trụ, là sáu địa sau Sơ địa. Mười ba là Thọ ký vị tu trụ, là địa thứ tám. Mười bốn là Năng thuyết sự vị tu trụ, là địa thứ chín. Mười lăm là Quán danh vị tu trụ, là địa thứ mười. Mười sáu là Chí đắc vị tu trụ, là Pháp thân Chư Phật. Mười bảy là Công đức vị tu trụ, là Ứng thân chư Phật. Mười tám là Tác sự vị tu trụ, là hóa thân Phật, tất cả các trụ vô lượng, nên biết, nay chỉ nói lược.

*Pháp giới lại có ba Bất
tịnh, bất tịnh tịnh
Thanh tịnh như thứ lớp.*

Nếu nói lược về địa vị này có ba: Một là Bất tịnh vị trụ, là từ nhân vị cho đến hạnh vị. Hai là Bất tịnh tịnh vị trụ, là bậc Thánh Hữu học. Ba là Thanh tịnh vị trụ, là bậc Thánh Vô học.

*Trong đây an lập người
Phải biết như đạo lý.*

Vì các trụ này khác nhau nên phải biết như đạo lý: Các phàm và Thánh được an lập khác nhau. Người này là trú trong tự tánh, người này đã nhập vị. Những người tu trụ như vậy đã nói. Đắc quả là gì?

Phẩm 6: ĐẮC QUẢ

*Khí quả và báo quả
Đó là quả tăng thượng
Ái lạc và tăng trưởng
Quả thanh tịnh thứ lớp.*

Khí quả là quả báo tương ứng với gốc lành. Quả báo là vì khí quả tăng thượng gốc lành thuộc phẩm tối thượng. Quả ái lạc là do huân tập ở đời trước nên ưa thích pháp thiện. Quả tăng trưởng là nhờ huân tập công đức gốc lành đời trước nên gốc lành viên mãn. Quả thanh tịnh là diệt lìa các chướng. Quả của địa vị này có năm thứ nên biết thứ lớp: Một là quả báo; Hai là quả tăng thượng; Ba là quả tùy lưu; Bốn là quả công dụng; Năm là quả tương ly.

*Thượng thượng và sơ quả
Thường tu quả rốt ráo
Thuận theo và đối trị
Lìa nhau và thắng vị
Hữu thượng và Vô thượng
Nói lược quả như vậy.*

Nếu nói lược về quả, thì có mười thứ: Một là quả thượng thượng là từ tự tánh phát tâm cho đến tu hành nên biết thứ lớp về sau về sau nữa. Hai là quả đầu, mới được các pháp xuất thế. Ba là quả thường tập, sau quả đầu, trong địa vị Hữu học. Bốn là quả rốt ráo là các pháp Vô học. Năm là quả thuận theo là vì nhân duyên nên phải biết sáu là quả thượng thượng, quả đối trị là Diệt, Đạo do đây đắc Sơ quả, trong đó Sơ đạo gọi là quả đối trị. Bảy là quả lìa nhau là quả huân tập và quả viên mãn, vì xa lìa các hoặc chướng như quả các bậc Thánh thứ lớp Hữu học, Vô học. Tám là quả thắng vị, là các công đức như: thần thông, v.v... Chín là quả hữu thượng là địa Bồ-tát cao quý hơn các thừa khác. Mười là quả vô thượng là địa của chư Như Lai. Bốn thứ quả như vậy là để phân biệt quả viên mãn. Nói gọn như vậy, còn nếu nói rộng thì nhiều vô lượng. Trong đó, tu tập đối trị nhóm hợp nhiều nghĩa với tu tập giác ngộ, khiến cho sự tu tập ít mỏng được chín muồi. Việc tu tập trên thâm hợp với việc tu tập, vì trí đến một nhà với cảnh. Tu thượng phẩm, thắng phẩm đắc sự tu hành là: việc phát tu ban đầu, việc hành tu ở giữa và việc tu sau cùng. Tu hữu thượng và tu vô thượng nghĩa là cảnh giới không cao quý, tư lương không nhóm hợp, vì chí đắc không cao quý nên là tu trụ, nhóm hợp nhiều nghĩa nên thành tu trụ. Người trú là người trú trong tự tánh.

Làm việc tu trụ nghĩa là từ phát tâm cho đến địa vị tu hành gọi là tối tịnh trụ. Tối tịnh vị trụ có trang nghiêm trụ, vì trùm khắp mười địa. Quả vô thượng vị trụ nhóm hợp nhiều nghĩa: Một là quả nhiếp giữ; Hai là quả tối thắng; Ba là quả huân tập đời trước; Bốn là quả thượng thượng dẫn xuất; Năm là quả lược; Sáu là quả rộng. Trong đó quả nhiếp giữ là năm thứ quả. Quả còn lại là năm thứ quả khác nhau, vì chỗ nhóm hợp đời trước nên gọi là quả quả báo. Vì thượng thượng dẫn xuất nên có bốn thứ quả khác. Nếu nói lược, quả thượng thượng có bốn thứ, nếu nói rộng thì quả thuận theo có sáu thứ. Vì phân biệt nói rộng bốn thứ quả này nên trong luận Trung Biên Phân Biệt, chỗ này có bốn. Ba phẩm: một là phẩm Đối trị, hai là phẩm Tu trụ, ba là phẩm Đặc quả, đã nói rộng rốt ráo (một là quả khí, hai là quả quả báo, ba là quả ái lạc, bốn là quả tăng trưởng, năm là quả thanh tịnh, gồm nhiếp hết tất cả quả).

Phẩm 7: THỪA VÔ THƯỢNG

Nay sẽ nói về thừa Vô thượng. Kệ rằng:

*Ba xứ thừa Vô thượng
Tu hành và cảnh giới
Cũng nói khởi nhóm hợp.*

Vô thượng có ba thứ, trong Đại thừa, do ba nghĩa thừa này nên thành vô thượng, ba loại gồm: Một là tu hành vô thượng; Hai là cảnh giới vô thượng; Ba là nhóm hợp sinh khởi đắc vô thượng. Trong đó, tu hành vô thượng là gì? Là tu hành trong mười Ba-la-mật. Nên biết:

Tu hành có sáu thứ.

Tùy một trong mười Ba-la-mật này có sáu thứ, sáu thứ là:

*Vô tỷ và tư trạch
Tùy pháp và lìa bên
Riêng và chung sáu tu.*

Sáu tu như vậy: một là tu không so sánh; Hai là tu tư duy chọn lựa; Ba là tu tùy pháp; Bốn là tu bên giới; Năm là tu riêng; Sáu là tu chung. Trong đó tu không so sánh có mười hai thứ, mười hai thứ là:

*Rộng lớn và lâu dài
Thể tăng thượng, vô tận
Vô gián và vô nan
Tự tại và nhiếp trị
Cực tác, chí đắc, lưu
Rốt ráo trí không sánh,
Nghĩa vô tỷ xứ này
Biết mười Ba-la-mật.*

Mười hai thứ tu hành không so sánh như vậy: Một là không so sánh rộng lớn, hai là không so sánh thời gian dài, ngắn, ba là tăng thượng, bốn là vô tận, năm là vô gián, sáu là vô nan, bảy là tự tại, tám là chấp giữ và điều trị, chín là cực tác, mười là chí đắc, mười một là thắng lưu, mười hai là rốt ráo. Không so sánh rộng lớn là gì? Là không ham muốn tất cả sự giàu vui thế gian và xuất thế gian, cho nên phải biết là không so sánh rộng lớn. Không so sánh thời gian lâu dài là gì? Là tu tập mỗi chỗ trong ba A-tăng-kỳ kiếp được thành tựu. Không so sánh tăng thượng là sao? Là làm việc lợi ích khắp tất cả chúng sinh. Thế nào là không so sánh vô tận? Là do hồi hướng Bồ-đề vô thượng nên rất vô cùng vô tận. Thế nào là không so sánh sự tu không xen hở? Là do thích tu bình đẳng giữa mình và người, vì công đức: bố thí... của tất cả

chúng sinh có thể viên mãn, nhờ thành tựu mười Ba-la-mật. Thế nào là không so sánh không khó? Là vui mừng theo các Ba-la-mật mà người khác thực hành Ba-la-mật của mình được viên mãn. Thế nào là không so sánh tự tại? Là do sức các thiên định: phá hư không, v.v... nên các Ba-la-mật như: thí v.v... được thành tựu viên mãn. Thế nào là không so sánh chấp giữ, điều trị? Là do trí không phân biệt chấp giữ, bảo hộ tất cả Ba-la-mật. Thế nào là không so sánh việc làm hết mức? Là phương tiện của địa trước trong hạnh địa nguyện lạc, pháp nhẫn tối thượng và đạo phẩm tùy theo từng việc mà thành. Thế nào là không so sánh sự đạt đến? Là trong Sơ địa được sự chưa từng thấy pháp xuất thế. Thế nào là không so sánh thắng lưu (các dòng cao quý)? Là lúc li Sơ địa, nên biết là trong tám địa trên. Thế nào là không so sánh rốt ráo? Là nên biết: địa thứ mười và Phật địa. Vì sao? Vì đạo Bồ-tát và quả Phật viên mãn. Nghĩa không so sánh của lĩnh vực này nên biết là mười Ba-la-mật. Mười hai nghĩa không so sánh như vậy trong mười pháp đều có đầy đủ. Cho nên mười pháp đặc chung gọi là Ba-la-mật đa. Thế nào gọi là mười Ba-la-mật? Vì hiển bày mười pháp tên khác này, nói kệ rằng:

Thí, giới, nhẫn, tinh tấn

Định, Bát-nhã phương tiện

Nguyện lực và xà-na

Đây mười không so sánh.

- Thế nào là biệt sự của mười Ba-la-mật này?

Tài lợi không tổn hại

An thọ tăng công đức

Trừ ác và khiến nhập

Giải thoát và vô tận

Thường khởi và quyết định

Việc ưa pháp thành thực.

Việc thứ lớp mười Ba-la-mật như vậy nên biết: do bố thí nên Bồ-tát có thể làm lợi ích chúng sinh. Do trì giới nên không tổn hại thân mạng, tài sản và quyến thuộc, v.v... của chúng sinh. Do nhẫn nhục nên nếu người khác cố làm các việc tổn hại đến mình thì cũng an tâm nhẫn chịu. Do tinh tấn nên sinh trưởng công đức cho người khác, diệt trừ tội chướng, v.v... cho người khác. Do thiên định nên nhờ các công đức như: thần thông, v.v... làm cho chúng sinh khác bỏ ác theo thiện, được nhập chánh vị. Do Bát-nhã nên nói rõ chánh giáo làm cho người được giải thoát. Do phương tiện nên hồi hướng gốc lành hưởng đến Đại Bồ-đề, các công đức như: bố thí... làm cho dòng chảy (các địa) vô tận. Do

nguyện lực nên có thể nhận lãnh sự trú xả, tùy chỗ ưa thích mà thọ sinh, ở trong chỗ sinh ấy, có thể làm các việc Phật sự và nghe chánh pháp, ở trong sự bố thí... thường hành lợi ích cho chúng sinh không ngưng nghỉ. Do sức tu tập tư duy chọn lựa nên có thể đối trị, hàng phục, thường hành quyết định các độ như: bố thí... làm lợi ích chúng sinh. Nhờ trí nên diệt lìa được như lời nói và pháp vô minh. Các hạnh như: bố thí... và duyên pháp tăng thượng như: bố thí được cùng thọ dụng, hai Bồ-đề này có thể thành thực chúng sinh. Sự tu hành không so sánh đã nói, thế nào là tu hành tư lương?

*Như lời nói chánh pháp
Suy nghĩ nghĩa Đại thừa
Là việc thường Bồ-tát
Nương ba thứ Bát-nhã.*

Nương vào mười thứ Ba-la-mật như: Bố thí... Tu-đa-la mà chư Phật đã an lập, đã nói, trong các pháp Đại thừa, như lý mà tư duy, niệm niệm lắng nghe nhờ suy nghĩ tu tập. Văn, tư, tu, tuệ thường tư duy về khổ hạnh. Nhờ ba việc: tuệ, tu hành, tư duy sinh ra công đức gì?

*Là nuôi dưỡng Giới, Nhập
Vì đức sự rốt ráo.*

Nếu người nào nhờ văn tuệ, tu hành, tư duy thì tất cả gốc lành tư duy được thêm lớn. Nếu nhờ tư tuệ, tu hành, tư duy thì được như sở nghe về danh, cú, nghĩa, lý này được nhập ý, được sinh sự hiển hiện. Nếu nhờ tu tuệ, tu hành, tư duy thì chánh như sở cầu được thành tựu, vì nhập địa, vì sự điều trị thanh tịnh. Phải biết sự tu hành tư duy này là có bạn, nên biết. Mười thứ pháp chánh hạnh cùng tương ứng nên biết. Tư duy tu hành này, nghĩa là chỗ nhiếp giữ mười thứ chánh pháp hạnh, nên biết mười thứ pháp hạnh là:

*Ghi chép, cúng dường, thí
Đọc tụng và thọ trì
Nói rộng và đọc tụng
Tư duy và tu tập.*

Tu hành pháp Đại thừa có mười: Một là ghi chép; Hai là cúng dường; Ba là bố thí cho người khác; Bốn là nếu người khác đọc tụng phải một lòng lắng nghe; Năm là tự đọc; Sáu là tự chấp giữ như lý về danh, cú, vị và nghĩa; Bảy là giảng nói đúng như đạo lý và danh, cú, vị; Tám là chánh tâm nghe tụng; Chín là tư lương như lý về không xứ; Mười là đã nhập ý vì không lui mất nên tu tập. Kệ nói:

Vô lượng nhóm công đức

Là mười thứ chánh hạnh.

Mười thứ chánh hạnh này có ba thứ công đức: Một là đạo công đức vô lượng; Hai là đạo công đức hành phương tiện; Ba là đạo công đức thanh tịnh. Vì sao trong Đại thừa, Đức Phật nói đại quả báo tối cực, mà các pháp như: Thanh-văn thừa... không nói như vậy. Vì sao có hai thứ nhân như vậy?

Vì Tối thắng vô tận

Lợi tha không ngừng nghỉ.

Tối thắng: Kinh Tiểu thừa chỉ là tự lợi còn Đại thừa thì tự lợi và lợi tha bình đẳng, nên gọi là tối thắng. Vì thứ nhất là tự lợi, thứ hai là lợi tha nên nói có thượng có hạ, nên gọi là Thắng. Đại Bồ-đề là đến Niết-bàn vô dư. Vì làm việc lợi ích cho người như trong nhân địa không ngừng nghỉ nên gọi là vô tận. Vì vô tận nên vượt hơn Tiểu thừa. Đã nói về tư duy tu hành, thế nào là tùy pháp tu hành?

Tùy pháp có hai thứ

Không tán động, diên đảo.

Có hai thứ tu hành tùy pháp: Một là tu hành không tán động; Hai là tu hành không diên đảo, thay đổi. Trong đó, tán động có sáu thứ, vì diệt trừ sáu thứ tán động này nên gọi là không tán động. Sáu thứ tán động gồm: Một là tán động tự tại; Hai là tán động duyên ngoài; Ba là tán động bên trong; Bốn là tướng tán động; Năm là tán động thô hoặc; Sáu là tán động tư duy. Sáu thứ tán động này lấy gì làm tướng? Nên biết:

Khởi quán hạnh sáu trần

Tham vị, hạ trạo khởi

Không quyết ý ở định

Chỗ so lường ngã mạn

Tâm thấp kém tán loạn

Người trí phải nên biết.

Những thứ như vậy là tướng, Bồ-tát phải biết lia sáu thứ tán động. Những gì là sáu tướng? Một là từ thiền định khởi tán động, vì năm thức nên gọi là tán tán động. Hai là trong sáu trần, nếu tâm hành động, đó gọi là ngoại tán động. Ba là trong thiền định này, sự tham vị lo buồn, hối hận dấy khởi, đó gọi là tán động bên trong. Bốn là ý của địa dưới chưa quyết, chưa ngưng nghỉ, đó gọi là tướng tán động. Năm là nhờ tướng này mà vào định, trong định này có khởi lên tư duy chấp ngã gọi là tán động thô. Sáu là vì sự tư duy thô này mà sinh khởi sự hiện hành ngã mạn nên tư duy thuộc phẩm thấp kém, gọi là tư duy tán động. Vì khởi

hành tư duy của thừa dưới nên hai thứ tán động trước chưa đắc khiến không đắc; hai thứ kế đã đắc khiến cho thoái lui. Phải biết tán động thứ năm khiến cho không được giải thoát, còn tán động thứ sáu khiến cho không được Bồ-đề Vô thượng. Trong đó, phải biết nên biết mười thứ xứ vô đảo, mười xứ ấy là:

*Nghĩa ngôn từ, tư duy
Bất động - hai tướng xứ
Bất tịnh và tịnh khách
Không sợ và không cao.*

Trong đó, pháp nào gọi là vô đảo? Vô đảo là tri kiến như lý, như lượng. Mười thứ xứ vô đảo này: một là danh, cú, vị vô đảo. Như kệ nói:

*Vì tụ tập, sắc tập
Nghĩa có và nghĩa vô
Là ngôn từ vô đảo.*

Hoặc là danh, cú, vị, hoặc là có tương ưng; danh là nói, không gián đoạn không lìa nhau, vật này là danh ấy, vì thường thường huân tập nên nghĩa có là danh, cú... Nếu dịch ba nghĩa không này, hoặc có như danh tri kiến này là danh, cú, vị vô đảo. Thế nào là nghĩa vô đảo?

*Hiện hiện tự hai thứ
Như hiển không thật có
Gọi là nghĩa vô đảo
Là hai bên hữu, vô.*

Các nghĩa hiện hiện có hai: Một là hiện hiện sở chấp; Hai là hiện hiện chủ thể, do hai thứ sinh nhau nên không có như vậy, như trong chỗ nghĩa hiện hiện. Nếu sinh tri kiến như đây, thì gọi là nghĩa vô đảo. Vì sao nghĩa như vậy là xa lìa tướng có? Vì không có năng chấp và sở chấp, vì xa lìa tướng không, giống như năng, giống như sở tán loạn có. Thế nào là tư duy vô đảo?

*Ngôn này huân ngôn tư
Kia nương tư vô đảo
Là hiển hai thứ nhân.*

Sở chấp năng chấp lời nói (ngôn) là sự huân tập tư duy ngôn ngữ. Sở chấp và năng chấp này nương vào chỗ phân biệt lưỡng đối. Nếu khởi tất cả xứ tri kiến như đây, gọi đó là tư duy vô đảo. Cái gì là tư duy làm năng chấp, sở chấp lưỡng đối hiển hiện? Vì chỗ sinh hai pháp tư duy ngôn ngữ: danh, cú, vị này, vì hai pháp làm y xứ, vì lìa cảnh tư duy vô đảo này. Thế nào là bất động vô đảo?

*Như huyễn thấy không có
Cũng nghĩa hữu nên biết
Là bất động vô đảo
Có, không chẳng tán loạn.*

Nghĩa này vừa có vừa không như trước đã nói: sự có, không này thì như huyễn hóa. Huyền hóa là thật thể của voi, ngựa... Không có, chẳng phải không, chỉ giống như voi... Vì có tán loạn nên nghĩa cũng không có như vậy. Vì như sự hiển hiện của năng chấp, sở chấp nên chẳng phải không có, chỉ dường như có tướng tán loạn. Vân vân (...) là còn nhiều thí dụ như giấc mộng, trăng đáy nước, quán năng... đạo lý như vậy nên biết. Vì đã thấy nghĩa các thí dụ như: huyễn mộng... nên tâm không tà hạnh, đó gọi là bất động vô đảo. Nhờ tâm vô đảo này mà tâm không bị tán động trong việc chấp có, không. Hai tướng vô đảo là:

*Tất cả chỉ có danh
Vì không khởi phân biệt
Là tướng riêng vô đảo.*

Tất cả các pháp chỉ có danh, ngôn. Cái gì là danh? Tất cả mắt và sắc cho đến tâm và pháp phải thấy biết như vậy. Vì đối trị tất cả phân biệt luống dối nên gọi là tướng riêng vô đảo. Thế nào gọi là tướng riêng, là luống dối hay chân thật?

Tướng này gọi là chân thật, chân thật trong tướng riêng là vô đảo. Tại sao như vậy? Nếu là tục đế thì tất cả các pháp không chỉ có danh, vì chấp như vậy. Thế nào là tướng chung vô đảo?

*Xuất ly khỏi pháp giới
Lại không có một pháp
Nên tướng chung pháp giới
Trí này là vô đảo.*

Không có một pháp riêng nào lìa vô ngã mà có tự thể chân thật, cho nên tất cả tướng chung của pháp giới có tự thể bình đẳng. Thấy biết như vậy gọi là tướng chung vô đảo. Sao gọi là tịnh và bất tịnh vô đảo? Kệ nói:

*Điên đảo tư duy tà
Chưa diệt và đã diệt
Bất tịnh và tịnh này Là
không điên đảo kia.*

Điên đảo là trạng thái tâm thức không ở trong chánh tư duy và chưa cùng tận, đó gọi là pháp giới không thanh tịnh. Nếu chẳng ở trong trạng thái đó và cùng tận, gọi là pháp giới thanh tịnh. Nếu có tri kiến

này, đó là bất tịnh và tịnh vô đảo. Theo thứ lớp thì cái gì là khách vô đảo?

*Vì tánh pháp giới tịnh
Thí như hư không kia
Hai thứ này là khách
Đó là không điên đảo.*

Lại có pháp giới như chân hư không, tự tánh thanh tịnh. Hai thứ pháp này chẳng phải pháp cũ nên gọi là khách, đầu tiên thì không thanh tịnh, sau là thanh tịnh. Nếu có tri kiến như vậy gọi là khách tướng vô đảo. Sao gọi là không sợ, và không cao vô đảo?

*Nhiễm ô và thanh tịnh
Cả pháp, người đều không
Không nên chẳng sợ, mạn
Hai chỗ này vô đảo.*

Người là pháp không nhiễm ô, không thanh tịnh, cũng như vậy. Trước là không nhiễm ô, sau không thanh tịnh. Vì sao như vậy? Vì người và pháp chẳng phải thật có, cho nên trong hai pháp này không có một vật, là phẩm tịnh và phẩm bất tịnh. Khi phẩm bất tịnh thì không có một pháp bị tổn giảm, lúc phẩm thanh tịnh thì không có một vật bị tăng thêm, là hai pháp này sinh sợ hãi, sinh cao mạn. Nếu có tri kiến như vậy gọi là không sợ hãi, không cao mạn vô đảo. Mười thứ vô đảo như vậy trong mười thứ Kim cương tức theo thứ lớp nên an lập. Thế nào là mười thứ Kim cương tức? Một là chẳng điên đảo có không; Hai là không điên đảo y xứ; Ba là không điên đảo về thí dụ huyễn hóa; Bốn là chẳng điên đảo không phân biệt; Năm là không điên đảo tự tánh thanh tịnh; Sáu là không điên đảo bất tịnh; Bảy là không điên đảo thanh tịnh; Tám là không điên đảo về thí dụ như chân không; Chín là không điên đảo không bớt; Mười là không điên đảo không thêm. Đã nói về sự tu hành tùy pháp. Sao gọi là tu hành xa lìa hai bên? Như trong kinh Bảo Đảnh, Phật vì các vị như: Ca-diếp... mà nói về Trung đạo vô tướng. Thế nào là Trung đạo, xa lìa hai bên này? Trung đạo: ở đây, Phải biết.

*Khác với bên một bên
Ngoại đạo và Thanh-văn
Tăng thêm và tổn giảm
Hai thứ người và pháp
Bên đối trị phi trợ
Đoạn, thường gọi hữu bên
Năng thủ và sở thủ*

*Nhiễm tịnh có hai, ba
Phân biệt hai thứ bên
Nên biết có bảy thứ
Có, không và ứng chỉ
Năng chỉ đáng kính sợ
Bên năng thủ, sở thủ
Việc, không việc chánh tà
Không sinh và cùng thời
Phân biệt bên có, không.*

Các ấm như: sắc... lập ra ngã riêng khác, một bên là ngã và sắc là một, một bên là lia hai bên này, Phật nói Trung đạo là không thấy ngã, không thấy người, không thấy chúng sinh, không thấy thọ giả. Vì sao như vậy? Nếu người nào chấp ngã kiến là không xa lia được hai bên này. Thọ giả là riêng khác, thân cũng thì khác. Nếu không thủ chấp riêng khác tức là thọ, tức gọi là thân. Hai thứ kiến này chắc chắn là hữu vi. Với Trung đạo thì hai chấp này không được khởi. Sắc... thường trú là sự chấp một bên của ngoại đạo, vô thường là chấp một bên của Thanh-văn. Để lia hai bên này nên Phật nói Trung đạo. Các pháp như: sắc... không quán là thường và vô thường, đó gọi là Trung đạo. Nói: Có ngã là hủy báng một bên tăng thêm, nói vô ngã là hủy báng một bên tổn giảm, vì có giả gọi là người. Để lia hai bên này nên Phật nói Trung đạo. Hai bên là hữu ngã và vô ngã, trong khoảng giữa ấy chẳng hai. Vì sở xúc chạm không phân biệt nên tâm thật có là bên pháp tăng thêm, không thật có là bên pháp tổn giảm. Để lia hai bên này nên Phật nói Trung đạo. Trung đạo này không có ý, không có tâm, không có thức, không tác ý. Tất cả pháp bất thiện gọi là phẩm Bất tịnh gọi là phi trợ đạo, tất cả pháp thiện... gọi là phẩm Tịnh, gọi là bên đối trị. Vì để lia hai bên này nên Phật nói Trung đạo. Phật nói hai thứ bên này là không khứ, không lai, không thí dụ, không ngôn thuyết. Có gọi là bên thường về người và pháp; vô là bên đoạn bên về người và pháp. Để lia hai bên này nên Phật nói Trung đạo, trong hai thứ này, ở giữa là Trung đạo như trước đã nói. Vô minh: một bên là sở chấp giữ, một bên thứ hai là năng chấp giữ. Như vô minh và minh cũng vậy. Tất cả pháp hữu vi, một bên là sở chấp giữ, một bên là năng chấp giữ, pháp vô vi cũng như vậy. Như sở chấp giữ và năng chấp giữ của vô minh cho đến già chết, già chết diệt một bên là sở chấp giữ, một bên là thứ hai là năng chấp giữ. Diệt đạo này là đối tượng chấp giữ và năng chấp giữ. Hai bên sở và năng chấp giữ như vậy là do phần đen và phần trắng khác nhau. Để lia hai

bên này nên Phật nói Trung đạo. Phật nói vô minh và minh, hai thứ này không hai và không thật có, như kinh nói rộng. Vì sao như vậy? Vì sở chấp giữ và năng chấp giữ của vô minh và minh tự thể nó là không. Nhiễm ô có ba thứ: Một là phiền não; Hai là nghiệp; Ba là sinh nhiễm ô. Phiền não nhiễm ô lại có ba: Một là các kiến; Hai là khởi tướng dục, sân, si; Ba là lại có sinh nguyện. Để đối trị ba thứ này nên Phật nói biết môn Không giải thoát, biết môn vô tướng giải thoát và biết môn vô nguyện giải thoát. Nghiệp nhiễm ô là tạo tác thiện ác. Để đối trị nghiệp này nên Phật nói trí tuệ không tạo tác. Sinh nhiễm ô là tâm và tâm pháp trong hữu sinh rồi lại sinh, niệm niệm sinh hữu, sinh liên tục không dứt quãng. Để đối trị việc này nên Phật nói trí tuệ vô sinh, trí tuệ không khởi, trí tuệ vô tự tánh. Dứt trừ ba thứ nhiễm ô như vậy gọi là thanh tịnh. Người biết không... và nhiễm ô không... gọi là cảnh giới thanh tịnh. Trí đối trị với tất cả gọi là hạnh thanh tịnh. Nhờ hạnh này mà trừ diệt phiền não, không còn sinh khởi nữa gọi là quả thanh tịnh. Đây là ba thứ thanh tịnh nhiễm ô không... Như chỗ làm là không... của ba thứ thanh tịnh. Vì tự tánh các pháp không nên tự tánh pháp giới không có sai khác. Lại có trí tuệ các pháp là không... Chẳng phải chỗ tạo tác nhiễm ô và chẳng phải là chỗ tạo tác của trí thì tại sao tự tánh các pháp: không... như vậy là có? Vì tự tánh pháp giới không nhiễm ô. Nếu người nào tư duy phân biệt pháp giới có lúc nhiễm ô, có lúc thanh tịnh là bên tự tánh không nhiễm ô. Vì tự thể của pháp không có nhiễm tịnh nên chấp này thành một bên. Để xa lìa chấp này, nên Phật nói Trung đạo này chẳng phải là hai không làm không, khiến cho các pháp không, tự thể các pháp là không. Những điều này như trong kinh Bảo Đảnh đã nói rộng. Lại có bảy thứ phân biệt hai bên. Những gì là bảy? Một là phân biệt một bên là có; hai là phân biệt một bên là không. Có người chấp nhân là chân thật, diệt bỏ người này, cho nên lập không. Có người cho chân thật vô ngã, để diệt trừ pháp này nên lập pháp bất không. Vì hai sự phân biệt này nên khởi chấp có, chấp không. Để xa lìa hai bên này nên Phật nói Trung đạo. Không là chẳng diệt nhân (người)... Điều làm nào là điều không làm? Vì tánh của tất cả các pháp tự nhiên. Như kinh nói rộng, tất cả các hoặc như: vô minh... phải dừng và làm cho diệt trừ, các pháp đạo như: minh... phải sinh, có thể khiến cho dừng diệt như phân biệt này phải dừng và có thể dừng nên trong cái không, sinh sự sợ hãi. Để lìa hai bên phân biệt này nên Phật nói thí dụ không. Phân biệt một bên là sợ hãi, vì sợ hãi này nên sinh khởi sợ hãi. Phân biệt một bên là tạo tác của các trần: sắc... nên khởi sợ hãi và khởi sự sợ hãi khổ. Để xa lìa hai bên

phân biệt sợ hãi này nên Phật nói thí dụ họa sĩ. Thí dụ trước là nường vào người Tiểu thừa mà nói, thí dụ này nường vào Bồ-tát thừa mà nói. Phân biệt một bên là năng chấp giữ và phân biệt một bên là sở chấp giữ. Để xa lìa hai bên này nên Phật nói về thí dụ nhà ảo thuật. Vì sao như vậy? Vì sở tạo tác của trí vô trần là trí duy thức, trí vô trần diệt trừ trí duy thức. Trần không thể nên thức cũng bất sinh. Tương tự trong đó, một bên là phân biệt chánh vị, một bên là phân biệt tà vị, chân thật kiến phân biệt là chánh vị, phân biệt là tà vị. Để xa lìa hai bên này nên Phật nói thí dụ hai cây gỗ cọ xát nhau tạo ra lửa. Ví như hai cây gỗ không có tương lửa, nhưng từ hai cây này mà cọ xát sẽ sinh ra lửa, lửa sinh ra rồi trở lại đốt hai cây gỗ. Thấy chân thật về tướng chánh vị và tướng không chánh vị như vậy, lấy chánh thông đạt làm tướng. Căn Thánh trí khởi thành rồi là thấy tướng chánh vị chân thật. Lại có sự diệt trừ rốt ráo, trong đó, thí dụ cùng với sự tương tự của nó. Thấy chân thật tướng tà vị không có tướng tà vị, vì tà vị cũng không thuận theo chân thật vị. Một bên là phân biệt hữu sự, một bên là phân biệt vô sự. Hữu sự là trí tuệ trước tác ý phân biệt. Lại có phân biệt vô công dụng. Để xa lìa hai bên công đức này nên Phật nói về thí dụ đèn sáng. Một bên là phân biệt vô sinh, một bên là phân biệt thời gian bằng nhau. Nếu phân biệt đạo đối trị vô sinh, phân biệt phiền não trong thời gian dài để xa lìa hai bên này nên Phật nói thí dụ thứ hai là ánh sáng đèn.

Đã nói xong về việc xa lìa mười bốn hai bên để tu hành.

Thế nào là tu hành thắng hữu, v.v...

Tu hành thắng hữu thấy

Phải biết ở mười địa.

Tu hành thắng hữu, v.v... là gì? Tùy mỗi địa trong mười địa, trong đó Ba-la-mật là trên hết, không gì có thể sánh bằng. Ba-la-mật này gọi là thắng tu hành. Nếu tất cả xứ đồng vô sai khác, đó gọi là tu hành hữu đẳng. Đã nói về việc tu hành vô thượng rồi, còn cảnh giới vô thượng là gì?

An lập và tánh giới

Sở thành, năng thành tự

Trì, quyết, định nương tựa

Thông đạt và rộng lớn

Phẩm hạnh và sinh giới

Phải biết tới thắng thấy.

Cảnh giới như vậy có mười hai. Mười hai cảnh giới gồm: Một là cảnh giới an lập pháp danh; Hai là cảnh giới pháp tánh; Ba là cảnh giới

sở thành; Bốn là cảnh giới năng thành; Năm là cảnh giới gìn giữ; Sáu là cảnh giới quyết trì; Bảy là cảnh giới định y chỉ; Tám là cảnh giới thông đạt; Chín là cảnh giới nối tiếp; Mười là cảnh giới đắc thắng; Mười một là cảnh giới sinh; Mười hai là cảnh giới hơn hết. Trong đó, cảnh giới thứ nhất là các pháp Ba-la-mật... như sự an lập của Phật, pháp thứ hai là như như; pháp thứ ba và thứ tư thứ lớp như trước đã nói, vì thông đạt pháp giới nên được hành các pháp Ba-la-mật..., thứ năm là cảnh giới văn tuệ, thứ sáu là cảnh giới tư tuệ. Vì sao gọi là quyết trì, vì năng chấp giữ pháp này đã biết, thứ bảy là cảnh giới tu tuệ, vì nương vào bên trong, nương vào thể mà được gìn giữ, thứ tám là thấy cảnh giới trong Sơ địa, thứ chín là cảnh giới tu đạo cho đến trong bảy địa, thứ mười là đạo thể gian và xuất thế gian trong bảy thứ địa, như phẩm thứ các pháp được thành. Thứ mười một là trong địa thứ tám, thứ mười hai là ba xứ của địa thứ chín... Cảnh giới thứ nhất, thứ hai này như trước đã gọi là cảnh giới bình đẳng trong chỗ xứ vị. Cảnh giới khác là đã nói về cảnh giới sai khác của hai chỗ hiển bày ở trước. Tập khởi là gì?

*Đầy đủ và không hủy
Tránh xa khiến tròn đầy
Sanh khởi và vững chắc
Tùy việc không trú xứ
Không chướng và chẳng xả
Phải biết mười tập khởi.*

Tập khởi như vậy có mười thứ: 1. Trong đó nhân duyên đầy đủ gọi là tập khởi tánh; 2. Không hủy báng pháp Đại thừa gọi là tập khởi nguyện lạc; 3. Tránh xa pháp hạ thừa gọi là tập khởi phát tâm; 4. Tu hành tròn đầy Ba-la-mật gọi là tập khởi tu hành; 5. Sinh khởi Thánh đạo là tập khởi nhập chánh vị; 6. Gốc lành được huân tập lâu dài bền chắc nên gọi là tập khởi thành thực chúng sinh; 7. Tâm tùy theo việc mà được thành gọi là tập khởi tịnh độ; 8. Không trú trong sinh tử và Niết-bàn, được thọ ký địa vị Bất thoái, vì không thoái lui vào sinh tử, Niết-bàn nên diệt hết các chướng gọi là tập khởi Phật địa; 9. Không bỏ những việc này gọi là tập khởi hiển hiện Bồ-tát. Luận này như vậy gọi là Trung Biên Phân Biệt Liễu Trung đạo, lại có phân biệt Trung đạo và hai bên, vì trong đó hai bên đều có thể hiện. Là hai bên đầu và cuối, trong đó không dính mắc hai chỗ, vì phân biệt hiển hiện đúng chánh lý nên gọi là luận Trung Biên Phân Biệt.

*Trong phân biệt luận này
Nghĩa sâu mâu chân thật*

*Đại nghĩa, tất cả nghĩa
Trừ các việc không lành.*

Về danh và nghĩa của luận Trung Bên Phân Biệt này như trước đã gọi là nghĩa sâu mâu bí mật, chẳng phải là cảnh giới giác quán... nghĩa chân thật bền chắc, các thuyết khác không thể phá được là quả Bồ-đề Vô thượng. Nghĩa lớn là việc lợi ích cho mình và người. Tất cả nghĩa nhờ luận này mà nghĩa ba thừa được hiển hiện, có công năng trừ diệt tất cả việc không lành. Không lành là ba phẩm phiền não và ba phẩm sinh tử, có thể lìa diệt sinh tử này và phiền não không lành, có thể diệt chướng của bốn đức, có thể thâm nhiếp bốn đức, cho nên nói trừ các việc không tốt lành. Các nghĩa vô thượng, nói lược về vô thượng có ba thứ: Một là chánh hạnh; Hai là chánh y trì; Ba là chánh hạnh quả. Tu hành như phẩm thứ này thì không gì so sánh được, như phương tiện, như sự kiến lập các pháp trong Đại thừa của Phật mà tư duy... như đã giảng nói, như đạo lý không lay động, không điên đảo. Hoặc tu Xa-ma-tha không tán động, hoặc tu Tỳ-bà-xá-na không điên đảo thủy đối. Tu hành như điều phải làm để xuất ly theo Trung đạo, như trong mười địa, như hạnh thắng hữu, v.v...

Các nghĩa vô đảo là danh, cú vô đảo, thông đạt nghĩa tướng thiên định vô đảo, thông đạt tướng trí tuệ tư duy vô đảo, xa lìa được nhân duyên điên đảo, chẳng phải không tán động điên đảo. Tướng Trung đạo này có được rõ ràng khiến cho thành tựu tướng riêng vô đảo. Nương vào sự khởi đối trị này mà được đạo phân biệt sinh tử nhờ tướng chung vô đảo. Được thông đạt tự tánh tịnh phẩm nhờ tịnh và bất tịnh vô đảo; hoặc chướng chưa diệt và diệt, vì được đều không điên đảo, thấy như thật về bất tịnh và tịnh vì không sợ hãi, không cao mạn vô đảo, diệt trừ các chướng vì được xuất ly.

*Một đường không, Niết-bàn
Mặt trời Phật chiếu khắp
Hạnh Thánh chúng thuần thực
Người mù không thể thấy
Đã biết chánh giáo Phật
Tuổi thọ ở bên miệng
Khi sức hoặc mạnh lên
Câu đạo chớ buông lung.*

Đến đây là cuối cùng của phẩm Vô thượng thừa trong luận Trung Bên Phân Biệt này, do Bà-tẩu-bàn-đậu người học Đại thừa của đạo nhân Thích-ca soạn ra.

*Nay con soạn luận này
Làm hạnh phúc tuệ cho đời
Khắp vì tất cả chúng
Như nguyện được Bồ-đề.*

